

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST
Ngày 12-7-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Thông báo số: 38/2024/TB-TA ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc thay đổi lịch xét xử giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ; địa chỉ: Số 8, đường phường Đ, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Khánh T; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phí Văn H; địa chỉ: phố H, quận TX, Thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09-11-2023 giữa Bên ủy quyền là ông Lê Khánh T - Giám đốc Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ với Bên nhận ủy quyền là ông Phí Văn H); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần L; địa chỉ: phường H, quận Hồng Bàng, thành

phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T; chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần L, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20-11-2023 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ do ông Phí Văn H là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ (sau đây viết tắt là Trung tâm VĐ) là người cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho Công ty Cổ phần L (sau đây viết tắt là Công ty L) theo 06 hợp đồng sau đây:

Hợp đồng nguyên tắc số 21.2015/L-HWC-DV ngày 21/08/2015 về việc “Kiểm tra chất lượng mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (NDT); đánh giá, chứng nhận thợ hàn; các dự án gia công do bên B chế tạo” với tổng giá trị hợp đồng là 2.808.360.628 (hai tỷ tám trăm lẻ tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn sáu trăm hai mươi tám) đồng; Hợp đồng dịch vụ khoa học công nghệ số 25.12.2015/L-HWC-DV ngày 25/12/2015 về việc đánh giá, chứng nhận quy trình hàn và đánh giá, chứng nhận tay nghề thợ hàn với tổng giá trị hợp đồng là 432.745.000 (bốn trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng; Hợp đồng dịch vụ khoa học công nghệ số 26.12.2015/L -HWC-DV ngày 26/12/2015 về việc thử nghiệm các chỉ tiêu cơ tính vật liệu và gia công mẫu thép với tổng giá trị hợp đồng là 134.578.500 (một trăm ba mươi tư triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm) đồng; Hợp đồng thuê chuyên gia số 033/HĐTCG-HWC-LSC ngày 12/8/2014 về việc hướng dẫn duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng hàn và cử chuyên gia có trình độ xuống làm điều phối viên hàn đáp ứng tiêu chuẩn Quốc tế ISO 3834-2 và tiêu chuẩn Châu Âu EN 1090-1 với tổng giá trị hợp đồng là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng; Hợp đồng kinh tế số 1304.2016/HĐĐT-HWC ngày 13/4/2016 về việc cung cấp tài liệu và chứng nhận dấu U, U2, S của Hệ thống quản lý thiết bị trao đổi nhiệt, bồn bình áp lực phù hợp với tiêu chuẩn ASME với tổng giá trị hợp đồng là 442.500.000 (bốn trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng; Hợp đồng nguyên tắc số 1501.2018/HĐNT/L-HWC ngày 15/01/2018 về việc kiểm tra chất lượng vật liệu bằng phương pháp không phá hủy (NDT); phá hủy; đánh giá, chứng nhận thợ hàn; quy trình hàn cho dự án “Hệ thống băng tải Baffiland-Thyssenkrupp” với tổng giá trị hợp đồng là 1.103.068.079 (một tỷ một trăm lẻ ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn không trăm bảy mươi ba) đồng. Như vậy, tổng giá trị của 06 hợp đồng nêu trên là 5.086.252.201 (năm tỷ không trăm tám mươi sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn hai trăm lẻ một) đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%). Cả 06 Hợp đồng nói

trên, Trung tâm đào tạo chuyên giao Công nghệ VĐ đã thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ theo thoả thuận trong các Hợp đồng; các Hợp đồng đã nghiệm thu và đã được hai Bên xác nhận qua Bảng tổng hợp công việc đã hoàn thành; Trung tâm VĐ đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng của mỗi hợp đồng cho Công ty L theo quy định. Tuy nhiên, Công ty L mới thanh toán tổng số tiền 2.246.118.385 (hai tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu một trăm mười tám nghìn ba trăm tám mươi lăm) đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%); trong đó: Thanh toán cho hợp đồng 21.2015/L-HWC-DV là 1.137.606.732 (một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm ba mươi hai) đồng; hợp đồng số 25.12.2015/L-HWC-DV là 223.695.000 (hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng; hợp đồng số 26.12.2015/L-HWC-DV là 129.906.000 (một trăm hai mươi chín triệu chín trăm lẻ sáu nghìn) đồng; hợp đồng số 033/HĐTCG-HWC-LSC là 115.500.000 (một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng; hợp đồng số 1501.2018/ HĐNT/L-HWC là 463.657.420 (bốn trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi) đồng. Như vậy, Công ty L còn nợ Trung tâm VĐ tổng số tiền của 06 hợp đồng nêu trên là 5.086.252.201 đồng - 2.246.118.385 đồng = 2.840.133.816 (hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười sáu) đồng.

Trung tâm VĐ đã nhiều lần yêu cầu Công ty L tiến hành làm việc để chốt số tiền còn nợ và thanh toán các khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên, Công ty L không làm việc và không thực hiện việc thanh toán cho Trung tâm VĐ. Do đó, Trung tâm VĐ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty L phải thanh toán cho Trung tâm VĐ số tiền gốc còn thiếu của 06 hợp đồng nêu trên là: 2.840.133.816 (hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười sáu) đồng. Trong đó:

- Khoản nợ theo hợp đồng 21.2015/L-HWC-DV là: 1.670.753.896 đồng.
- Khoản nợ theo hợp đồng số 25.12.2015/L-HWC-DV là: 209.050.000 đồng.
- Khoản nợ theo hợp đồng số 26.12.2015/L -HWC-DV là: 4.672.500 đồng.
- Khoản nợ theo hợp đồng số 033/HĐTCG-HWC-LSC là: 49.500.000 đồng.
- Khoản nợ theo hợp đồng số 1304.2016/HĐĐT-HWC là: 442.500.000 đồng.
- Khoản nợ theo hợp đồng số 1501.2018/ HĐNT/L-HWC là: 463.657.420 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty L không cử đại diện hợp pháp đến Tòa án làm thủ tục theo quy định. Mặt khác, Công ty L cũng không gửi bất kỳ văn bản nào đến Tòa án thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Trung tâm VĐ.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 280, 281, 290, 305, 402, 405, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 274, 275, 280, 357, 398, 401, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 85, 87, 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty Cổ phần L phải trả cho Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ tổng số tiền gốc còn nợ của 06 hợp đồng là 2.840.133.816 (hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười sáu) đồng. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần L phải chịu 88.803.000 (*tám mươi tám triệu tám trăm linh ba nghìn – đã làm tròn*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.401.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002527 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng. Do đây là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa pháp nhân với pháp nhân; bị đơn có trụ sở tại: phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn là Công ty Cổ phần L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc số 21.2015/L-HWC-DV ngày 21/08/2015 về việc “Kiểm tra chất lượng mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (NDT); đánh giá, chứng nhận thợ hàn; các dự án gia công do bên B chế tạo”; Hợp đồng dịch vụ khoa học công nghệ số 25.12.2015/L-HWC-DV ngày 25/12/2015 về việc đánh giá, chứng nhận quy trình hàn và đánh giá, chứng nhận tay nghề thợ hàn; Hợp đồng dịch vụ khoa học công nghệ số 26.12.2015/L -HWC-DV ngày 26/12/2015 về việc thử nghiệm các chỉ tiêu cơ tính vật liệu và gia công mẫu thép; Hợp đồng thuê chuyên gia số 033/HĐTCG-HWC-LSC ngày 12/8/2014 về việc hướng dẫn duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng hàn và cử chuyên gia có trình độ xuống làm điều phối viên hàn đáp ứng tiêu chuẩn Quốc tế ISO 3834-2 và tiêu chuẩn Châu Âu EN 1090-1; Hợp đồng kinh tế số 1304.2016/HĐĐT-HWC ngày 13/4/2016 về việc cung cấp tài liệu và chứng nhận dấu U, U2, S của Hệ thống quản lý thiết bị trao đổi nhiệt, bồn bình áp lực phù hợp với tiêu chuẩn ASME; Hợp đồng nguyên tắc số 1501.2018/ HĐNT/L-HWC ngày 15/01/2018 về việc kiểm tra chất lượng vật liệu bằng phương pháp không phá hủy (NDT); phá hủy; đánh giá, chứng nhận thợ hàn; quy trình hàn cho dự án “Hệ thống băng tải Baffiland-Thyssenkrupp” được xác lập do các bên tự nguyện, mục đích và nội dung của các hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 402, 405, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 398, 401, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Về nội dung tranh chấp: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong hợp đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, thể hiện:

[4.1] Sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng, Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ đã phát hành các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Cổ phần L theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng. Công ty Cổ phần L đã thanh toán cho Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ tổng số tiền của 06 hợp đồng nêu trên là 2.246.118.385 đồng. Đối với số tiền gốc còn lại của 06 hợp đồng nêu trên là 2.840.133.816 đồng, Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ đã nhiều lần gửi văn bản đôn đốc nợ và yêu cầu Công ty Cổ phần L tiến hành làm việc và thanh toán số tiền còn thiếu nhưng Công ty Cổ phần L không hợp tác. Do đó, Trung tâm

chuyển giao công nghệ VĐ yêu cầu Công ty Cổ phần L thanh toán tổng số tiền nợ gốc còn thiếu của 06 hợp đồng nêu trên là 2.840.133.816 đồng, thấy rằng: Việc Công ty Cổ phần L không tiếp tục thanh toán cho Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ số tiền gốc còn thiếu là 2.840.133.816 đồng, sau khi Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ đã hoàn thành các nội dung công việc theo các hợp đồng đến nay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm cho quyền lợi của Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ bị xâm phạm. Nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc thanh toán các khoản nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[4.2] Về phía bị đơn: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn đều vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc cũng như trong Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, đồng thời không cung cấp cho Tòa án các văn bản, ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án. Do đó, Tòa án không có căn cứ để xem xét. Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 280, 281, 290 Bộ luật Dân sự 2005, các điều 274, 275, 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty Cổ phần L phải trả cho Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ số tiền nợ gốc còn thiếu theo các Hợp đồng chưa thanh toán là 2.840.133.816 (hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười sáu) đồng.

[4.3] Về tiền lãi chậm thanh toán: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.4] Về lãi suất chậm thi hành án: Buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.401.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002527 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 2.840.133.816 (hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười sáu) đồng, cụ thể: 72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng (2.840.133.816 đồng - 2.000.000.000 đồng) = 88.803.000 (tám mươi tám triệu tám trăm linh ba nghìn – đã làm tròn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 280, 281, 290, 305, 402, 405, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 274, 275, 280, 357, 398, 401, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 85, 87, 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần L phải thanh toán cho Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ số tiền nợ gốc còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/7/2024 là 2.840.133.816 (hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười sáu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần L phải chịu 88.803.000 (tám mươi tám triệu tám trăm linh ba nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Trung tâm chuyển giao công nghệ VĐ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.401.000 (bốn mươi bốn triệu bốn trăm linh một) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002527 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát ND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Chung